

CHỦ NGHĨA ĐA VĂN HÓA: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

HÀ THỊ QUỲNH HOA^(*)

Một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa đa văn hóa

Hoàn cảnh ra đời

Thuật ngữ “chủ nghĩa đa văn hóa” ra đời và được truyền bá rộng rãi ở khu vực Bắc Mỹ từ những năm 1960, khi tại đó dấy lên làn sóng “đòi được thừa nhận” của những người thuộc các cộng đồng thiểu số (xét trên phương diện lãnh thổ, ngôn ngữ, chủng tộc). Chính việc đòi hỏi sự thừa nhận đối với nền văn hóa thiểu số, điều chỉnh những bất công và định ra những phương tiện để những khác biệt văn hóa cùng tồn tại trong một xã hội là những động lực thúc đẩy chủ nghĩa đa văn hóa - với tư cách là một học thuyết - vượt ra khỏi trường hợp riêng biệt của Bắc Mỹ và lan rộng ra nhiều nước trên thế giới.

Nội dung khái niệm chủ nghĩa đa văn hóa

Có không ít quan niệm và cách luận giải khác nhau về khái niệm này, về vai trò cũng như các hậu quả tiềm tàng của việc áp dụng nó. Xét từ góc độ “áp dụng”, người ta đã phân ra ba phương diện có quan hệ với nhau và đều nằm trong nội hàm của khái niệm chủ nghĩa đa văn hóa, đó là: “nhân khẩu học”, “ý thức hệ” và “cường lĩnh chính trị” (xem: 3).

Cách sử dụng mang “tính mô tả nhân khẩu học” (demographic-descriptive) xuất hiện khi “đa văn hóa” được dùng để nói đến sự tồn tại của các bộ phận dân cư khác nhau về mặt sắc tộc hay về mặt chủng tộc trong lòng xã hội dân sự do một nhà nước nào đó quản lý. Cách sử dụng mang “tính cương lĩnh chính trị” (programmatic-political) được dùng để chỉ các chương trình và những sáng kiến chính trị được đưa ra để ứng phó và quản lý tính đa dạng sắc tộc và văn hóa.

Cách sử dụng mang “tính chuẩn mực ý thức hệ” (ideological-normative) gây ra nhiều tranh cãi nhất, bởi chủ nghĩa đa văn hóa được coi như khẩu hiệu và khuôn mẫu cho hoạt động chính trị. Bắt nguồn từ triết lý nhân văn và đạo đức, chủ nghĩa đa văn hóa được kiến giải như một phương án hành động đáng làm, bởi nó có lợi cho cả các cá nhân lẫn xã hội qua việc làm giảm thiểu những xung đột xã hội nảy sinh từ khác biệt sắc tộc hay sự bất bình đẳng. Giữa cách sử dụng chủ nghĩa đa văn hóa mang tính quy chuẩn ý thức hệ với cách nhìn nhận của Liên Hợp Quốc về tính đa dạng văn hóa có những nét khá tương đồng với nhau (xem thêm: 3).

^(*) Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Chủ nghĩa đa văn hóa không chỉ bao hàm vấn đề sắc tộc, giới hay một số vấn đề khác... mà còn bao quát cả một tập hợp yêu sách, trong đó phần lớn gắn với giáo dục. Và mỗi khía cạnh trong đó đều tạo ra sự phân cực về quan điểm và thái độ. Những người ủng hộ thuyết đa văn hóa thì nhấn mạnh đến cốt lõi nhân văn, đến sự tôn trọng và thừa nhận chân giá trị của các cá thể thuộc tất cả các nhóm văn hóa. Nó trực tiếp gắn với nền chính trị về sự thừa nhận và sự khác biệt (Taylor). Trong khi đó, những người phản đối lại khẳng định rằng, chủ nghĩa đa văn hóa có thể gây chia rẽ đối với cộng đồng dân tộc, làm xói mòn tính đồng nhất dân tộc, v.v...

Có thể xem tình trạng trên là “nghịch lý của chủ nghĩa đa văn hóa”. Cụ thể là, ở phía này, các chính sách giành ưu đãi cho văn hóa và bản sắc; ở phía khác, người ta lại nỗ lực cào bằng sự khác biệt khi theo đuổi quyền bình đẳng trong xã hội dân sự. Do đó, chủ nghĩa đa văn hóa trở thành một vấn đề.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa đa văn hóa đối với xã hội

Bàn về vai trò của chủ nghĩa đa văn hóa cũng có rất nhiều ý kiến trái chiều nhau. Mặc dù có sự khác nhau trong việc nhận thức và thực thi nguyên tắc chủ nghĩa đa văn hóa ở các nước, nhưng điều quan trọng là tất cả những người ủng hộ chủ nghĩa đa văn hóa đều coi nguyên tắc này như là một giá trị thúc đẩy sự thống nhất dân tộc, ổn định xã hội. Thay vì thống nhất xã hội bằng phương thức đồng hóa – cái vốn hiện nay không nhận được sự tán đồng của các nhóm sắc tộc nhỏ hơn, những người ủng hộ chủ nghĩa đa văn hóa đặt mục tiêu tăng cường cố kết dân tộc bằng cách quan tâm đến lợi ích của các nhóm, ủng hộ văn hóa của họ, thừa nhận sự đa

dạng về phong cách sống, và đồng thời cố gắng đạt được sự đồng thuận giữa tất cả các nhóm về các vấn đề chính trị. Như vậy, mục tiêu “thống nhất dân tộc và sự ổn định xã hội” vẫn còn, song cái thay đổi ở đây là cách thức đạt được nó. Khẩu hiệu “thống nhất bằng đồng hóa” được thay bằng “thống nhất trong sự đa dạng”. Theo đó, chủ nghĩa đa văn hóa sẽ cung cấp những giá trị mang tính chia sẻ chung, đồng thời tôn trọng những khác biệt (trong chừng mực chúng không làm tổn hại đến những giá trị chung đã nêu ra trước đó) để gắn kết xã hội thành một khối thống nhất và dung hợp được các lợi ích khác nhau trong xã hội.

Song, không phải ai cũng tán đồng với những ý kiến trên. Những người phản đối lại cho rằng, chủ nghĩa đa văn hóa nuôi dưỡng những khác biệt và tạo ra mối đe dọa làm phân hóa xã hội chứ không có tác dụng thống nhất hay thúc đẩy sự đoàn kết và lòng yêu nước. Bởi vậy, theo họ, chủ nghĩa đa văn hóa là sự hủy diệt tinh thần dân tộc (Edward Shils), là mối nguy hiểm thực sự do nó khuấy lên sự phản kháng và lòng căm thù (Jr. Arthur Schlesinger), là sự vứt bỏ di sản lịch sử của đất nước nhằm “tạo ra một đất nước không thuộc bất kỳ nền văn minh nào và thiếu cốt lõi văn hóa”, thiếu bản sắc dân tộc (S. Huntington)...

Như vậy, có thể thấy, chủ nghĩa đa văn hóa làm dấy lên sự hoài nghi về khả năng của nó với tư cách là chất keo kết dính khối đại đoàn kết dân tộc trong lòng một quốc gia. Tuy nhiên, những phê phán, chỉ trích đối với chủ nghĩa đa văn hóa lại chủ yếu *nhằm vào những hậu quả của việc thực hiện các chính sách đa văn hóa*, chứ không phải là *chủ nghĩa đa văn hóa với tư cách là một luận thuyết*. Điều này ngụ ý rằng, những ảnh hưởng tiêu cực của chủ

nghĩa đa văn hóa là hoàn toàn có thể tránh được, bởi chúng phụ thuộc phần nhiều vào mức độ nhận thức và áp dụng nó vào thực tiễn, vào truyền thống văn hóa, ý chí chính trị, bối cảnh kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Tóm lại, thuật ngữ chủ nghĩa đa văn hóa, như đã được đề cập ở trên, tự bản thân nó là một sự “pha trộn”. Người ta có thể định nghĩa nó như một luận đề bắt nguồn từ tính đa dạng văn hóa, hoặc từ thứ chủ nghĩa đa nguyên (pluralism) hiện đang lan tràn tại các nước công nghiệp phát triển; hoặc như là một hình thức nói lỏng của chủ nghĩa đa nguyên văn hóa (cultural pluralism) (xem: 9).

Chính vì sự không đồng nhất như vậy trong quan niệm về chủ nghĩa đa văn hóa nên việc phân biệt nó như là một *phản ứng thực tế trước tính đa dạng* và như là *một khía cạnh của triết lý xã hội ủng hộ những giá trị đặc thù đối với những khác biệt văn hóa* là hết sức quan trọng. Đây là điều cần lưu ý khi nghiên cứu về chủ nghĩa đa văn hóa.

Thực tiễn của chủ nghĩa đa văn hóa ở một số nước trên thế giới

Mặc dù chủ nghĩa đa văn hóa là sản phẩm của phương Tây nhằm ứng phó với các làn sóng nhập cư mạnh mẽ, song nó cũng có thể được áp dụng ở bất cứ nước nào. Ở đây, chúng tôi chủ yếu tập trung vào tìm hiểu thực tiễn áp dụng chủ nghĩa đa văn hóa ở hai nhóm nước chính, cụ thể là: 1/ Canada, Australia và Mỹ (nhóm các nước phương Tây); và 2/ Malaysia, Ấn Độ và Cộng hòa Nam Phi (nhóm các nước phi phương Tây).

Trường hợp thứ nhất. Canada, Australia, và Mỹ được coi là những trường hợp tiêu biểu cho chủ nghĩa đa văn hóa theo mô hình Âu - Mỹ, là nơi

khởi phát chủ nghĩa đa văn hóa và là nơi chính sách đa văn hóa có những ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự cố kết và quá trình phát triển kinh tế của những xã hội này.

Canada, Australia và Mỹ – được mệnh danh là “đất nước của nhập cư” - là những nước có thành phần dân tộc hết sức đa dạng, và họ đã biết sử dụng tổ chất đa dạng để tạo ra các nhà nước dân tộc hùng cường. Chính phủ các nước này cho rằng, với sự đa dạng sắc tộc và văn hóa mà họ đang có, thì mô hình chính sách đa văn hóa là thích hợp nhất. Minh chứng thực tế và rõ ràng nhất cho luận điểm đó là trường hợp của Canada. Sau khi Canada thiết lập chính sách đa văn hóa thì tình trạng phân biệt chủng tộc giảm đáng kể. Canada đang phát triển theo hướng “quốc gia của sự đa dạng” thay vì “quốc gia của sự đồng hóa”.

So sánh về mức độ nhận thức và áp dụng chủ nghĩa đa văn hóa vào thực tiễn, có thể xem Canada và Australia là những nước theo mô hình chủ nghĩa đa văn hóa “mạnh”: chính sách đa văn hóa thể hiện rõ ở hiến pháp và hệ thống pháp luật liên bang, hay là một chương trình nghị sự riêng. Trong khi đó, Mỹ được xem là mô hình chủ nghĩa đa văn hóa “ôn hòa”: chính sách đa văn hóa được thừa nhận chính thức, song không biểu hiện rõ ràng ở cấp độ liên bang, mà chủ yếu là ở cấp độ bang.

Nhìn chung, ở cả ba nước này, trọng tâm của chính sách đa văn hóa đều chủ yếu tập trung vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, và tùy vào từng giai đoạn, bối cảnh xã hội khác nhau mà các nước này đều có những điều chỉnh cần thiết trong chương trình thực thi chính sách đa văn hóa của mình.

Chẳng hạn, ở Canada, tiêu điểm ban đầu của chính sách đa văn hóa là nhấn mạnh đến quyền bảo tồn văn hóa và tính sắc tộc của các nhóm như là một phần của bản sắc dân tộc Canada. Tuy nhiên, khi các dòng người nhập cư vào Canada tăng lên, chính phủ nước này đã có những điều chỉnh trong trọng tâm chính sách của mình – hướng tới vấn đề công bằng, sự tham gia vào xã hội và tính đồng nhất dân tộc.

Còn ở Australia, tất cả những sáng kiến, chương trình thực tiễn và những thay đổi trong chính sách đa văn hóa của nước này đều nhằm đảm bảo quyền bình đẳng và nghĩa vụ của mọi công dân Australia. Tất cả công dân Australia đều có quyền phát biểu ý kiến, thể hiện các đặc điểm văn hóa và tín ngưỡng của mình để giành quyền bình đẳng trong đối xử và cơ hội trong phát triển và sử dụng những kỹ năng và tài năng của cá nhân. Họ cũng có những nghĩa vụ đối với đất nước, cam kết tôn trọng những giá trị và thể chế dân chủ, tôn trọng quyền tự do của người khác trong việc thể hiện bản sắc văn hóa và tín ngưỡng. Và thực tiễn cho thấy, chính sách đa văn hóa thể hiện rõ tính hiệu quả cao của nó trong xã hội đa sắc tộc, đa văn hóa và đa tôn giáo của Australia. Một trong những minh chứng đó là: Australia là một trong số ít nước không phải chịu sự căng thẳng về chủng tộc như thường thấy ở nhiều nơi khác trên thế giới.

Còn ở Mỹ, chủ nghĩa đa văn hóa mạnh mẽ từ những năm 1950, từ các phong trào đòi quyền công dân, liên quan tới vấn đề phân biệt đối xử, bất bình đẳng và áp bức; và bắt đầu “tăng tốc” vào đầu những năm 1980 khi Mỹ tiến hành cải cách chương trình giảng dạy ở các trường công lập theo hướng

“đa dạng” hơn về mặt văn hóa. Những người theo chủ nghĩa đa văn hóa đặc biệt ủng hộ việc nói lỏng kiểm soát nhập cư và những chương trình như giáo dục song ngữ. Các tầng lớp bị đè nén như những người Mỹ gốc Phi được thừa nhận bình đẳng trong các thiết chế giáo dục.

Nhìn chung, ở Mỹ, chủ nghĩa đa văn hóa được quan niệm như “một phẩm chất chính trị đúng đắn”. Tuy nhiên, vào những năm 1980 và 1990, cũng bắt đầu xuất hiện các ý kiến chỉ trích đối với chủ nghĩa này, từ cả cánh tả lẫn cánh hữu.

Để sang một bên những chỉ trích, tranh luận ở cả ba nước này về chủ nghĩa đa văn hóa, có một thực tế không thể phủ nhận là, mô hình chính sách đa văn hóa đã và đang góp phần vào việc ổn định xã hội và phát triển kinh tế, văn hóa và chính trị, và do đó - giúp những quốc gia này trở thành các cường quốc ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Trường hợp thứ hai là Malaysia, Ấn Độ, và Cộng hòa Nam Phi. Đây là những nước có một số nét tương đồng như: *thứ nhất*, ngay từ đầu, xã hội dân sự của các nước này đã được hình thành nên từ nhiều nhóm sắc tộc khác nhau; *thứ hai*, đều là các xã hội hậu thuộc địa, mới độc lập, và đang trong quá trình hiện đại hóa và hội nhập với thế giới; *thứ ba*, những nước này có bối cảnh xã hội và cơ cấu chính trị hết sức phức tạp, đặc biệt là có sự phân chia đẳng cấp xã hội khá rõ ràng, song vẫn có những thành công nhất định trong việc xây dựng nhà nước dân tộc và hội nhập với thế giới.

Qua những tìm hiểu thực tiễn ở Malaysia, Ấn Độ và Nam Phi, có thể

thấy, mặc dù cũng là các xã hội đa sắc tộc và đa văn hóa, song chủ nghĩa đa văn hóa ít thu hút được sự chú ý của chính giới cũng như giới nghiên cứu khoa học. Chủ nghĩa đa văn hóa đóng vai trò khá mờ nhạt trong việc quản lý tính đa dạng văn hóa và sắc tộc; nếu có thì nó lại mang một âm hưởng khác so với ở các xã hội phương Tây.

Những giải pháp được các chính phủ đưa ra nhằm đối phó và quản lý tính đa dạng văn hóa và sắc tộc thể hiện trước hết ở việc thay đổi cơ cấu chính trị, hiến pháp, chính sách; ở các sáng kiến và chương trình hành động nhằm mang lại nhiều quyền hơn nữa cho các sắc tộc thiểu số, hạn chế sự bất bình đẳng về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị giữa các sắc tộc; thúc đẩy quá trình hòa hợp dân tộc và sự cố kết xã hội, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước hùng mạnh và dân chủ. Những điều chỉnh về mặt chính sách và thể chế của những nước này phần nào đã mang lại thành công trong việc giải quyết và ngăn ngừa xung đột sắc tộc. Đây có thể coi là những cách tiếp cận mới mang âm hưởng của chủ nghĩa đa văn hóa ở những quốc gia này, mặc dù cũng chưa thật rõ ràng.

Mặc dù đã có những thành công nhất định trong việc ổn định xã hội và phát triển kinh tế song ở những quốc gia này vẫn còn có sự phân chia xã hội, sự chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn sắc tộc, sự gia tăng tình trạng bạo lực... Nhu cầu đòi thừa nhận bản sắc của các nhóm sắc tộc trong xã hội cũng ngày càng lớn. Đây là những vấn đề mà các quốc gia này cần phải giải quyết nhằm ổn định xã hội, xây dựng nền dân chủ và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Một số vấn đề đặt ra

Sự biến đổi của các xã hội đa sắc tộc, đa văn hóa về mặt nhân khẩu tạo ra thách thức lớn đối với các nhà hoạch định chính sách khi mong muốn quản lý tính đa dạng văn hóa và sắc tộc mà không làm gia tăng bạo lực và xung đột; và theo một cách thức có lợi cho tất cả mọi người. Để làm được như vậy, cần phải chuyển hướng trọng tâm từ việc thừa nhận sang quyết định và thực hiện chính sách trên thực tế. Kinh nghiệm của một số nhà nước chấp nhận lấy chủ nghĩa đa văn hóa làm chính sách đối phó lại tính đa dạng sắc tộc cho thấy tính hữu dụng và lâu bền đáng kể của mô hình này, bất chấp những tranh cãi xung quanh nó.

Một điều cần lưu ý là, trong quá trình chuyển dịch từ các mô hình chính sách trừu tượng sang việc hoạch định và thực hiện chính sách, bối cảnh lịch sử của mỗi nhà nước là không thể bỏ qua.

Chủ nghĩa đa văn hóa đã chứng tỏ tính hữu dụng của nó trong việc giải quyết những vấn đề liên quan tới các cộng đồng thiểu số, song nó chủ yếu được vận dụng ở các nước công nghiệp phương Tây. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì: *thứ nhất*, việc thực hiện chính sách đa văn hóa thường đòi hỏi một nguồn kinh phí không nhỏ; *thứ hai*, việc chấp nhận chủ nghĩa đa văn hóa như là một mô hình chính sách đòi hỏi thể chế chính trị phải thay đổi mạnh mẽ theo hướng dân chủ.

Tuy nhiên, thực trạng đó không có nghĩa là “chủ nghĩa đa văn hóa khó có thể áp dụng tại các nước đang hoặc chậm phát triển”. Những nước này có thể rút ra từ chủ nghĩa đa văn hóa những sáng kiến và công cụ cần thiết và

thích hợp để có thể quản lý hữu hiệu tính đa dạng văn hóa và sắc tộc, thúc đẩy sự ổn định, thống nhất trong xã hội và xây dựng đất nước. Việc nhập cư ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội khiến cho khả năng mô hình này được áp dụng ở các khu vực khác trên thế giới ngày càng tăng lên.

Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng mô hình chủ nghĩa đa văn hóa có thể có những hạn chế trong việc giải quyết những tình huống xung đột bạo lực mở rộng, đặc biệt ở những nơi có lịch sử lâu dài về thù hận sắc tộc và sự thất bại của các chính sách hòa nhập. Trong khi chưa có một đối án thay thế thì chính sách đa văn hóa có thể là một lựa chọn phù hợp, với việc sự thừa nhận nó phải mang tính thực tiễn và phải nhận thức được những khó khăn của nhiệm vụ và những vấn đề đi cùng.

Bên cạnh đó, cũng tồn tại những khó khăn làm cản trở quá trình thừa nhận chủ nghĩa đa văn hóa như là sự thay thế đối với mô hình hội nhập quốc gia hiện nay. Đó có thể là việc chủ nghĩa đa văn hóa đòi hỏi sự can thiệp nhiều hơn nữa của nhà nước, đặc biệt trong giai đoạn đầu khi mà chính sách đa văn hóa chưa được thừa nhận chính thức. Hay cũng có thể là những trở ngại về mặt tài chính trong chi tiêu của nhà nước, mức độ thất nghiệp cao trong xã hội – vốn là những yếu tố góp phần làm trầm trọng thêm mối quan hệ liên sắc tộc hiện nay. Do vậy, các nhà nước cần phải xác định rõ ràng các mục tiêu chiến lược cụ thể tiếp theo trong mỗi giai đoạn thực thi chính sách, đồng thời các chiến lược đó phải tương thích với nhau và biến đổi một cách khả thi từ giai đoạn này tới giai đoạn thực hiện tiếp theo.

Với tính chất là một chính sách trong việc giải quyết vấn đề đa dạng văn hóa và sắc tộc, chủ nghĩa đa văn hóa đang thu hút được sự quan tâm, ủng hộ đặc biệt của các tổ chức quốc tế, như Ủy ban châu Âu hay UNESCO. Rất nhiều chương trình, dự án được UNESCO đưa ra đã nhấn mạnh đến chính sách đa văn hóa trong lĩnh vực quản lý tính đa dạng văn hóa. Và thực tiễn cho thấy, cho đến giờ, chủ nghĩa đa văn hóa đang tỏ ra là một mô hình chính sách hữu dụng trong việc quản lý tính đa dạng văn hóa và sắc tộc trong bối cảnh xã hội hiện nay, bất chấp những tranh cãi xung quanh nó.

Điều cần lưu ý khi nghiên cứu về chủ nghĩa đa văn hóa là: nên xem xét nó từ góc độ *một mô hình chính sách* được các nhà nước dân tộc đưa ra nhằm đối phó và quản lý tính đa dạng văn hóa và sắc tộc trong xã hội. Bên cạnh đó, chủ nghĩa đa văn hóa cũng phải đối mặt với một số vấn đề ít nhiều nghiêm trọng. Một trong số đó là sự khác biệt lớn giữa *ý tưởng và hiện thực, giữa mục tiêu được tuyên bố với kết quả đạt được*. Từ việc nhận thức được tầm quan trọng của tính đa dạng văn hóa đến việc đề ra chính sách và áp dụng nó vào thực tiễn là cả một quá trình lâu dài, đầy khó khăn cản trở. Vả lại, vì chưa có sự nhất quán trong quan niệm về chủ nghĩa đa văn hóa nên không có một công thức vạn năng, một chương trình hành động cụ thể, được vạch sẵn để các nhà nước làm theo và có được kết quả như ý. Các điều kiện cụ thể như bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... là những yếu tố không lặp lại ở mỗi nước. Chính chúng đã góp phần dẫn tới sự khác nhau trong nhận thức và áp dụng chính sách đa văn hóa vào thực tiễn, và hệ quả là mức độ thành công trong việc

áp dụng mô hình chính sách này ở mỗi nước là khác nhau, thậm chí ở ngay cả các nước phương Tây.

Việt Nam từ lâu đã phải giải quyết vấn đề về đa dạng văn hóa. Chính vì vậy, chủ nghĩa đa văn hóa không phải là điều "mới mẻ" trong chính sách đại đoàn kết dân tộc và hòa hợp dân tộc của đất nước. Tuy nhiên, khi bước vào giai đoạn phát triển mới - gắn với hội nhập quốc tế, chính sách văn hóa của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những vấn đề mới, như sự gia tăng các mối liên hệ sắc tộc xuyên biên giới giữa các cộng đồng bên trong với bên ngoài.

Bởi vậy, sẽ là có ích và cần thiết nếu chúng ta có thể rút ra từ chủ nghĩa đa văn hóa những sáng kiến và công cụ cần thiết và thích hợp với mình, để quản lý hữu hiệu tính đa dạng văn hóa và sắc tộc, thúc đẩy sự ổn định, thống nhất trong xã hội và xây dựng đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Antonina Kolodii. The Idea and Diverse Reality of Multiculturalism: Are They Applicable to Newly Independent States? Warsaw Special Convention of the ASN, July 18-21, 2004. <http://www.political-studies.com/english/political/multiculturalism.html>
2. Bhikhu Parekh. What is Multiculturalism? <http://www.india-seminar.com/1999/484/484%20parekh.htm>, ngày 5/7/2004.
3. Christine Inglis. Multiculturalism: New Policy Responses to Diversity. Management of Social Transformations (MOST), UNESCO, Policy Paper - No. 4, <http://www.unesco.org/most/pp4.htm>
4. David Gress, Rapporteur. Multiculturalism in World History. Proceedings of a History Institute for secondary school educators and junior college faculty organized by the History Academy of the Foreign Policy Research Institute, September 1999, Vol. 5, No. 8.
5. Jack Citrin, David O. Sears, Christopher Muste, Cara Wong. Multiculturalism in American Public Opinion. *British Journal of Political Science*, Vol. 31, No. 2 (Apr., 2001), pp. 247-275.
6. John Rex, Gurharpal Singh. Pluralism and Multiculturalism in Colonial and Post-Colonial Society – Thematic Introduction. *International Journal on Multicultural Societies (IJMS)*, Vol. 5, No. 2, 2003, p.106-118.
7. Steven Dijkstra, Karin Geuijen, Arie de Ruijter. Multiculturalism and Social Integration in Europe. *International Political Science Review / Revue internationale de science politique*, Vol. 22, No. 1, Management of Social Transformations. Gestion des transformations sociales (Jan., 2001), pp. 55-83.
8. UNESCO. Multiculturalism: A Policy Response To Diversity. Management Of Social Transformations – MOST, UNESCO, 1995, <http://www.unesco.org/most/sydpaper.html>
9. Kenan Malik. An equal or a plural society?, <http://www.lausti.com/focus/2001/malik.htm>